

Số: /TTr-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định định mức hỗ trợ kinh phí hợp đồng giáo viên, khoán định mức nhân viên các trường mầm non, mẫu giáo, trường phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết quy định định mức hỗ trợ kinh phí hợp đồng giáo viên, khoán định mức nhân viên các trường mầm non, mẫu giáo, trường phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang với các nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị quyết 102/NQ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế.

Năm học qua, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 quy định định mức hỗ trợ định phí hợp đồng giáo viên, khoán định mức nhân viên các trường mầm non, mẫu giáo, trường phổ thông công lập năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên, Nghị quyết nêu trên chỉ áp dụng cho năm học 2021 - 2022. Năm học 2022 - 2023, ngành giáo dục và đào tạo xác định nhu cầu đội ngũ giáo viên, nhân viên như sau:

- Giáo viên: 846 người, trong đó, có 535 biên chế giáo viên chưa sử dụng, phải cần thêm 311 giáo viên ngoài biên chế để đảm bảo nhu cầu học tập của học sinh.

- Nhân viên: 506 người, trong đó, có 34 biên chế nhân viên chưa sử dụng, phải cần thêm 472 nhân viên ngoài biên chế để đảm bảo nhu cầu.

- Ước tổng kinh phí thực hiện: 73.855.100.000 đồng.

Bên cạnh đó, căn cứ mục 3, Nghị quyết số 102/NQ-CP đã cho phép hợp đồng giáo viên trong biên chế, vì vậy cơ sở pháp lý đề trình Nghị quyết hỗ trợ kinh phí hợp đồng giáo viên là đảm bảo phù hợp chủ trương của Chính phủ.

Để tiếp tục đảm bảo đội ngũ giáo viên phục vụ cho công tác giảng dạy trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là cấp tiểu học và mầm non năm học 2022 - 2023, việc tiếp tục thông qua Nghị quyết quy định định mức hỗ trợ kinh phí hợp đồng giáo viên, khoán định mức nhân viên các trường mầm non, mẫu giáo, trường phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Xin chủ trương quy định định mức hỗ trợ kinh phí hợp đồng giáo viên, khoán định mức nhân viên các trường mầm non, mẫu giáo, trường phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Quan điểm

Kinh phí được thực hiện thống nhất từ tỉnh đến các địa phương để đảm bảo chế độ chính sách cho đội ngũ giáo viên, nhân viên và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành, hướng dẫn của Trung ương, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức xây dựng Tờ trình dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, đăng tải, tổng hợp gửi Sở Tư pháp thẩm định,... đảm bảo trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết được bố cục thành 4 Điều cụ thể. Theo đó, quy định các nội dung quy định mức, thời gian, nguồn kinh phí hỗ trợ và điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức hỗ trợ kinh phí hợp đồng giáo viên, khoán định mức kinh phí thanh toán việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên các trường mầm non, mẫu giáo, trường phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Đối tượng áp dụng

Các cơ sở giáo dục mầm non, mẫu giáo, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2.2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về quy định định mức kinh phí để thanh toán tiền giảng dạy và thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên, nhân viên năm học 2022 - 2023, cụ thể như sau:

2.2.1. Định mức

a) Giáo viên

- Giáo viên mầm non: 5.000.000đ/người/tháng. Giáo viên làm việc tại đơn vị có tổ chức bán trú được hỗ trợ thêm 300.000đ/người/tháng (kinh phí hỗ trợ bán trú không dùng để tính các khoản bảo hiểm theo quy định);

- Giáo viên phổ thông: 5.400.000đ/người/tháng;

b) Nhân viên: 4.300.000đ/người/tháng;

c) Định mức trên đã bao gồm Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp và kinh phí công đoàn của đơn vị sử dụng lao động và người lao động.

2.2.2. Thời gian thực hiện: 11 tháng (kể từ 01 tháng 8 năm 2022).

2.2.3. Nguồn kinh phí thực hiện: thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Riêng đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo sử dụng trong nguồn kinh phí hoạt động để chi trả.

2.2.4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 quy định định mức hỗ trợ định mức kinh phí hợp đồng giáo viên, khoán định mức nhân viên các trường mầm non, mẫu giáo, trường phổ thông công lập năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định định mức hỗ trợ kinh phí hợp đồng giáo viên, khoán định mức nhân viên các trường mầm non, mẫu giáo, trường phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Số: /2022/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức hỗ trợ kinh phí hợp đồng giáo viên, khoán định mức nhân viên các trường mầm non, mẫu giáo, trường phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua dự thảo Nghị quyết quy định định mức hỗ trợ kinh phí hợp đồng giáo viên, khoán định mức nhân viên các trường mầm non, mẫu giáo, trường phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ kinh phí hợp đồng giáo viên, khoán định mức kinh phí thanh toán việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên các trường mầm non, mẫu giáo, trường phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở giáo dục mầm non, mẫu giáo, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Quy định định mức hỗ trợ kinh phí hợp đồng giáo viên và khoán định mức kinh phí thanh toán việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên các trường mầm non, mẫu giáo, phổ thông công lập năm học 2022 - 2023, như sau:

1. Định mức**a) Giáo viên**

- Giáo viên mầm non: 5.000.000đ/người/tháng. Giáo viên làm việc tại đơn vị có tổ chức bán trú được hỗ trợ thêm 300.000đ/người/tháng (kinh phí hỗ trợ bán trú không dùng để tính các khoản bảo hiểm theo quy định);

- Giáo viên phổ thông: 5.400.000đ/người/tháng;

b) Nhân viên: 4.300.000đ/người/tháng;

c) Định mức trên đã bao gồm Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp và kinh phí công đoàn của đơn vị sử dụng lao động và người lao động.

2. Thời gian thực hiện: 11 tháng (kể từ 01 tháng 8 năm 2022).

3. Nguồn kinh phí thực hiện: thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Riêng đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo sử dụng trong nguồn kinh phí hoạt động để chi trả.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 quy định định mức hỗ trợ định phí hợp đồng giáo viên, khoán định mức nhân viên các trường mầm non, mẫu giáo, trường phổ thông công lập năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Huyền

PHỤ LỤC 1
BẢNG CHIẾT TÍNH HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Đơn vị	Nhu cầu hợp đồng năm học 2022 - 2023		Trong đó				Số tháng hợp đồng	Hỗ trợ bán trú (300.000d/người)	Kinh phí thực hiện Hợp đồng Giáo viên	Kinh phí thực hiện Hợp đồng Nhân viên	Tổng kinh phí thực hiện	Ghi chú
				Hợp đồng trong biên chế		Hợp đồng ngoài biên chế							
		Giáo viên	Nhân viên	Giáo viên	HD 68	Giáo viên	Nhân viên						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	TP VỊ THANH	70	75	46	0	24	75	11	49.500.000	4.092.000.000	3.547.500.000	7.689.000.000	
	Mầm non	15	48	12	0	3	48	11	49.500.000	825.000.000	2.270.400.000	3.144.900.000	
	Phổ thông	55	27	34	0	21	27	11	0	3.267.000.000	1.277.100.000	4.544.100.000	
2	H VỊ THỦY	89	78	57	4	32	74	11	128.700.000	5.115.000.000	3.689.400.000	8.933.100.000	
	Mầm non	39	25	16	1	23	24	11	128.700.000	2.145.000.000	1.182.500.000	3.456.200.000	
	Phổ thông	50	53	41	3	9	50	11	0	2.970.000.000	2.506.900.000	5.476.900.000	
3	TX LONG MỸ	44	10	40	0	4	10	11	99.000.000	2.481.600.000	473.000.000	3.053.600.000	
	Mầm non	30	6	26		4	6	11	99.000.000	1.650.000.000	283.800.000	2.032.800.000	
	Phổ thông	14	4	14	0	0	4	11	0	831.600.000	189.200.000	1.020.800.000	
4	H LONG MỸ	87	35	68	0	19	35	11	125.400.000	5.000.600.000	1.655.500.000	6.781.500.000	
	Mầm non	38	9	31		7	9	11	125.400.000	2.090.000.000	425.700.000	2.641.100.000	
	Phổ thông	49	26	37	0	12	26	11	0	2.910.600.000	1.229.800.000	4.140.400.000	
5	H PHỤNG HIỆP	234	167	65	20	169	147	11	264.000.000	13.547.600.000	7.899.100.000	21.710.700.000	
	Mầm non	80	111	20	10	60	101	11	264.000.000	4.400.000.000	5.250.300.000	9.914.300.000	
	Phổ thông	154	56	45	10	109	46	11	0	9.147.600.000	2.648.800.000	11.796.400.000	
6	TP NGÃ BẢY	66	19	33	0	33	19	11	72.600.000	3.823.600.000	898.700.000	4.794.900.000	
	Mầm non	22	19	5		17	19	11	72.600.000	1.210.000.000	898.700.000	2.181.300.000	
	Phổ thông	44	0	28	0	16	0	11	0	2.613.600.000	-	2.613.600.000	

STT	Đơn vị	Nhu cầu hợp đồng năm học 2022 - 2023		Trong đó				Số tháng hợp đồng	Hỗ trợ bán trú (300.000đ/người)	Kinh phí thực hiện Hợp đồng Giáo viên	Kinh phí thực hiện Hợp đồng Nhân viên	Tổng kinh phí thực hiện	Ghi chú
				Hợp đồng trong biên chế		Hợp đồng ngoài biên chế							
		Giáo viên	Nhân viên	Giáo viên	HD 68	Giáo viên	Nhân viên						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
7	H CHÂU THÀNH	90	29	90	0	0	29	11	99.000.000	5.214.000.000	1.371.700.000	6.684.700.000	
	Mầm non	30	25	30			25	11	99.000.000	1.650.000.000	1.182.500.000	2.931.500.000	
	Phổ thông	60	4	60	0	0	4	11	0	3.564.000.000	189.200.000	3.753.200.000	
8	H CHÂU THÀNH A	123	75	118	2	5	73	11	155.100.000	7.099.400.000	3.547.500.000	10.802.000.000	
	Mầm non	47	42	42	1	5	41	11	155.100.000	2.585.000.000	1.986.600.000	4.726.700.000	
	Phổ thông	76	33	76	1	0	32	11	0	4.514.400.000	1.560.900.000	6.075.300.000	
9	ĐƠN VỊ TT SỞ	43	18	18	8	25	10	11	0	2.554.200.000	851.400.000	3.405.600.000	
TỔNG KINH PHÍ		846	506	535	34	311	472	11	993.300.000	48.928.000.000	23.933.800.000	73.855.100.000	
	Mầm non	301	285	182	12	119	273	11	993.300.000	16.555.000.000	13.480.500.000	31.028.800.000	
	Phổ thông	545	221	353	22	192	199	11	0	32.373.000.000	10.453.300.000	42.826.300.000	

Phụ chú:

KPK Giáo viên Mầm non: $[2,10 \times 1.490.000] + [2,10 \times 1.490.000 \times 35\% \text{ (PC đứng lớp)}] + [2,10 \times 1.490.000] \times 23,5\% = 4.959.465đ \sim 5.000.000đ$

KPK Giáo viên Phổ thông: $[2,34 \times 1.490.000] + [2,34 \times 1.490.000 \times 30\% \text{ (PC đứng lớp)}] + [2,34 \times 1.490.000] \times 23,5\% = 5.351.931 \sim 5.400.000đ$

Kinh phí khoán đối với Nhân viên/người: $3.430.000 + 3.430.000 \times 23,5\% = 4.236.050đ \sim 4.300.000đ$ (Trên cơ sở mức lương tối thiểu vùng 3)

PHỤ LỤC 2
CHI TIẾT MỨC HỖ TRỢ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đối tượng	Định mức hỗ trợ cho địa phương	Trong đó			
			Đơn vị sử dụng lao động đóng		Khoán cho người lao động	
			BHXH, BHYT, BHTNLĐ-BNN (21.5%)	Công đoàn (2%)	Người lao động đóng BHXH (10.5%)	Mức thực lãnh
1	Giáo viên mầm non	5.000.000	1.075.000	100.000	525.000	3.300.000
2	Giáo viên phổ thông	5.400.000	1.161.000	108.000	567.000	3.564.000
3	Nhân viên	4.300.000	903.000	86.000	451.500	2.859.500